

TỈNH ĐẮK NÔNG

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

ST T	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVH C cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù
				Diện tích (Km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2			3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG				5.410,9		704.369				
I		Huyện Cư Jút	43	723,2		109.659				
1	Xã Đăk Wil	Sáp nhập xã Đăk Wil và xã Ea Pô	1	515	515	24.344	486,9	x		
2	Xã Nam Dong	Sáp nhập xã Nam Dong và xã Đăk D'rông	1	104	104	35.701	714	x		x
3	Xã Cư Jút	Sáp nhập xã Tâm Thắng, xã Trúc Sơn, xã Cư K'nia và thị trấn Ea T'ling	3	104,1	104	49.614	992	x		x
II		Huyện Đăk Mil		716,8		130.848				
1	Xã Thuận An	Sáp nhập xã Đăk Lao và xã Thuận An	1	315,8	315,8	22.625	453	x		x
2	Xã Đức Lập	Sáp nhập xã Đức Mạnh, xã Đức Minh và thị trấn Đăk Mil	2	88,2	88,2	48.586	972	x		x

ST T	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVH C cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù
				Diện tích (Km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
3	Xã Đắc Mil	Sáp nhập xã Đắc Gắn, xã Đắc N'Drót và xã Đắc R'la	2	213,8	213,8	31.579	632	x		x
4	Xã Đắc Sắk	Sáp nhập xã Đắc Sắk, xã Long Sơn và xã Nam Xuân	2	99	99	28.058	561	x		
III		Huyện Krông Nô		776,5	777	81.384				
1	Xã Nam Đà	Sáp nhập xã Buôn Choánh, xã Nam Đà và xã Đắc Sôr	2	132,7	132,7	21.520	430	x		
2	Xã Krông Nô	Sáp nhập xã Đắc Drô, xã Tân Thành và thị trấn Đắc Mâm	2	159,8	159,8	22.636	453	x		
3	Xã Nâm Nung	Sáp nhập xã Nâm Nung và xã Nâm N'Đir	1	220,0	220,0	19.655	393	x		x
4	Xã Quảng Phú	Sáp nhập xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang và xã Quảng Phú	2	264,0	264,0	17.573	351	x		x
IV		Huyện Đắc Song		806,0		91.953				
1	Xã Đắc Song	Sáp nhập xã Đắc Môt và xã Đắc Hòa	1	193,0	193,0	12.701	254	x		x
2	Xã Thuận Hạnh	Sáp nhập xã Thuận Hà và xã Thuận Hạnh	1	130,0	130,0	19.236	385	x		
3	Xã Đức An	Sáp nhập thị trấn Đức An, xã Đắc N'Drung và xã Nam Bình	2	161,0	161,0	33.178	664	x		

ST T	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVH C cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù
				Diện tích (Km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
4	Xã Trường Xuân	Sáp nhập xã Năm N'Jang và xã Trường Xuân	1	322,0	322,0	26.838	537	x		
V		Huyện Đắk G'Long		755,6	756	40.528				
1	Xã Tà Đùng	Sáp nhập xã Đắk Som và xã Đắk R'măng	1	531,3	531	22.703	454	x		x
2	Xã Quảng Khê	Sáp nhập xã Quảng Khê và xã Đắk Plao	1	224,3	224,3	17.825	357	x		x
VI		Thành Phố Gia Nghĩa		436,9		85.609				
1	Bắc Gia Nghĩa (Phường Gia Nghĩa 1)	Sáp nhập phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Đức và xã Đắk Ha	3	250,5	4.555	37.760	252	x		
2	Nam Gia Nghĩa (Phường Gia Nghĩa 2)	Sáp nhập phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Tân và xã Đắk R'Moan	2	80,6	1.465	23.650	158	x		
3	Đông Gia Nghĩa (Phường Gia Nghĩa 3)	Sáp nhập phường Nghĩa Trung và xã Đắk Nia	1	105,8	1.924	24.199	161	x		
VII		Huyện Tuy Đức		560,2		62.971				
1	Xã Quảng Tân	Sáp nhập xã Quảng Tân và xã Đắk Ngo	1	294,2	294,2	31.185	624	x		x

ST T	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVH C cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù
				Diện tích (Km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
2	Xã Tuy Đức	Sáp nhập xã Quảng Tâm, xã Đắk R'Tíh và xã Đắk Búk So	2	266,0	266,0	31.786	636	x		x
VIII		Huyện Đắk R'Lấp		635,77	636	101.417				
1	Xã Kiến Đức	Sáp nhập xã Đạo Nghĩa, xã Nghĩa Thắng, xã Kiến Thành và thị trấn Kiến Đức	3	167,6	167,6	38.928	779	x		
2	Xã Quảng Tín	Sáp nhập xã Đắk Sin, xã Quảng Tín, xã Đắk Ru và xã Hưng Bình	3	310,2	310	34.591	692	x		
3	Xã Nhân Cơ	Sáp nhập xã Đắk Wer, xã Nhân Đạo và xã Nhân Cơ	2	158,0	158,0	27.898	558	x		